

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục thuốc bổ sung, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao cho đấu thầu tập trung cấp địa phương 6 tháng cuối năm 2021 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh;

Theo Công văn số 5769/UBND-KTTH ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc mua sắm tập trung hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 1) và đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 274/TTr-SYT ngày 15/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 1), cụ thể như sau:

1. Giá trị gói thầu: 78.983.594.450 đồng (*Bảy mươi tám tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*)

2. Chi tiết gói thầu và giá trị các gói thầu; gồm 10 gói thầu:

TT	Tên Gói thầu	Giá Gói thầu (đồng)
1	Gói thầu số 01: Gói Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 02 mặt hàng)	9.250.000.000
2	Gói thầu số 02: Gói Stent mạch vành nhóm 05 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 02 mặt hàng)	9.976.600.000
3	Gói thầu số 03: Gói bơm kim tiêm - dây truyền dịch năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 09 mặt hàng)	6.690.604.200
4	Gói thầu số 04: Gói phim X quang năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 07 mặt hàng)	9.591.529.250
5	Gói thầu số 05: Gói kim luồn - kim bướm năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 02 mặt hàng)	3.685.736.000
6	Gói thầu số 06: Gói găng tay năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 04 mặt hàng)	5.609.625.000
7	Gói thầu số 07: Gói Stent mạch vành nhóm 01 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	9.472.500.000
8	Gói thầu số 08: Gói Stent mạch vành nhóm 02 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	6.985.000.000
9	Gói thầu số 09: Gói Stent mạch vành nhóm 03 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	7.760.000.000
10	Gói thầu số 10: Gói Stent mạch vành nhóm 4 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 06 mặt hàng)	9.962.000.000

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh (bao gồm nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác...)

3. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Sở Y tế.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ

6. Thời gian thực hiện lựa chọn nhà thầu: Tháng 9-10/2022

7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: sau khi hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng đấu thầu, tổ chuyên gia đấu thầu; phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ hàng hóa; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu; triển khai thực hiện công tác đấu thầu theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm chủ động cân đối nguồn kinh phí để đảm bảo tổ chức mua sắm hoá chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (đợt 1) để phục vụ khám, chữa bệnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Sở Y tế triển khai thực hiện đấu thầu đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ sở y tế công lập (Sở Y tế gửi);
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.



Trần Văn Tân

Phụ lục I

Gói thầu 01: Gói Thủy tinh thể nhân tạo năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 2514/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT Gốc	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	12711	2119	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, ngâm nước	Chất liệu: Acrylic ngâm nước, mềm hoặc acrylic ngâm nước kết hợp bề mặt kỵ nước, mềm. + 1 mảnh, đơn tiêu + Thiết kế phi cầu + Đường kính optic: từ 5.5mm đến 6.5mm + Đường kính tổng: từ 10.5mm đến 13mm + Lọc tia UV + Đảm bảo đủ dải công suất +10D đến +30D + Kính qua được vết mổ: ≤ 3.0 mm + Kèm dụng cụ đặt kính	ISO; CE	Hộp/ 01 Cái	Cái	N1	1.900	2.500.000	4.750.000.000
2	12601	2101	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, không ngâm nước	Chất liệu: Acrylic không ngâm nước, mềm. + 1 mảnh, đơn tiêu + Thiết kế phi cầu + Đường kính optic: từ 5.5mm đến 6.5mm + Đường kính tổng: từ 10.5mm đến 13mm + Lọc tia UV + Đảm bảo đủ dải công suất +10D đến +30D + Kính qua được vết mổ: ≤ 3.0 mm + Kèm dụng cụ đặt kính	ISO,CE	Hộp / 01 cái	Cái	N1	1.500	3.000.000	4.500.000.000
Tổng số mặt hàng: 02 mặt hàng											9.250.000.000 đồng

Phụ lục II**Gói thầu số 02: Gói Stent mạch vành nhóm 05 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh***(Kèm theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Thành tiền (đồng)	
1	7209	1202	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc các cỡ	Khung giá đỡ (stent) mạch vành bằng Cobalt Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép. - Đường kính khung từ ≥ 2.0 mm - Chiều dài khung từ ≥ 8.0 mm □	ISO	Hộp/1 cái	Cái	N5	110	25.660.000	2.822.600.000
2	12191	2032	Stent mạch vành phủ thuốc các cỡ	- Khung giá đỡ (stent) mạch vành bằng Cobalt Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép, có lớp phủ kép tự tiêu Polymer tự tiêu. - Thiết kế khung stent hình zigzag, thiết kế 6 đỉnh - 3 kết nối giữa các vòng của stent (đường kính ≥ 2.00 mm). - Đường kính khung từ ≥ 2.00 mm - Chiều dài khung từ ≥ 8.0 mm □	ISO	1 cái/ hộp	Cái	N5	245	29.200.000	7.154.000.000
Tổng số mặt hàng:			02 mặt hàng							Tổng tiền:	9.976.000.000 đồng

Phụ lục III

Gói thầu số 03: Gói bơm kim tiêm-dây truyền dịch năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Quyết định số: 2514 /QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)
1	2459	410	Bơm cho ăn 50ml	- Bơm tiêm dùng 1 lần, thể tích 50ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	ISO, CE		Cái	N5	18.450	3.990	73.615.500
2	2463	411	Bơm tiêm 10ml	- Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần, thể tích 10ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, cỡ kim 23G; 25G. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO, CE		Cái	N5	894.350	900	804.915.000
3	2493	416	Bơm tiêm 20ml	- Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần, thể tích 20ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, cỡ kim 23G; 25G. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	ISO, CE		Cái	N5	309.950	1.476	457.486.200

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)
4	2499	417	Bơm tiêm 50ml	- Bơm tiêm dùng 1 lần, thể tích 50ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc xi lanh lắp vừa kim tiêm các số. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO, CE		Cái	N5	62.525	3.560	222.589.000
5	2571	429	Bơm tiêm 1ml	- Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần, thể tích 1ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, cỡ kim 26G - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO, CE		Cái	N5	306.200	580	177.596.000
6	2583	431	Bơm tiêm 3ml	- Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần, thể tích 3ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, cỡ kim 23G; 25G. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	ISO, CE		Cái	N5	400.000	600	240.000.000
7	2589	432	Bơm tiêm 5ml	- Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần, thể tích 5ml, có vạch chia dung tích rõ ràng, cỡ kim 23G; 25G. - Vô trùng, không DEHP - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO, CE		Cái	N5	2.133.900	605	1.291.009.500

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)
8	8517	1420	Kim tiêm (các cỡ)	<ul style="list-style-type: none"> - Kim cấu tạo thép không gỉ, chuỗi làm bằng nhựa, các số từ 18G đến 27G - Vô trùng, không DEHP - Đầu kim vát sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	ISO, CE		Chiếc	N5	1.749.500	294	514.353.000
9	6027	1005	Dây truyền dịch có kim	<ul style="list-style-type: none"> - Làm từ nhựa nguyên sinh PVC, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. - Vô trùng, không DEHP - Có sẵn cổng bơm thuốc chữ Y; đầu nối (Luer lock); buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, có khóa vặn. - Kim các cỡ. - Đóng gói 01 cái /túi , sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	ISO, CE		Bộ	N5	625.600	4.650	2.909.040.000
Tổng số mặt hàng:				09 mặt hàng						Tổng tiền:	6690604200 đồng

Phụ lục IV

Gói thầu số 04: Gói phim X- Quang năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 2514 /QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	6837	1140	Phim XQ ướt cỡ 30x40 cm	- Phim X-quang ướt - Kích thước phim: 30x40 cm	ISO, CE		Tấm	N3	10800	11.445	123.606.000
2	6843	1141	Phim XQ khô cỡ 35x43cm	- Phim X-quang khô, công nghệ in laser - Kích thước phim: 35x43 cm (14x17 inch).	ISO, CE		Tấm	N1	35770	37.250	1.332.432.500

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
3	6849	1142	Phim XQ khô cỡ 20x25cm	- Phim X-quang khô, công nghệ in laser - Kích thước phim: 20x25 cm (8x10 inch).	ISO, CE		Tấm	N1	110400	15.000	1.656.000.000
4	11475	1913	Phim XQ khô cỡ 25x30cm	- Kích thước phim: 25x30 cm (10x12 inch) -Phim X-quang khô, công nghệ in laser	ISO, CE		Tấm	N3	106020	21.000	2.226.420.000
5	11511	1919	Phim XQ khô cỡ 25x30 cm	- Phim X-quang khô, công nghệ in nhiệt - Kích thước phim: 25x30cm (10x12 inch)	ISO, CE		Tấm	N1	84300	19.000	1.601.700.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
6	11517	1920	Phim XQ khô cỡ 35x43cm	- Phim X-quang khô, công nghệ in nhiệt - Kích thước phim: 35x43 cm (14x17 inch)	ISO, CE		Tám	N1	20670	36.225	748.770.750
7	11523	1921	Phim XQ khô cỡ 20x25cm	- Phim X-quang khô, công nghệ in nhiệt - Kích thước phim: 20x25 cm (8x10 inch)	ISO, CE		Tám	N1	135900	14.000	1.902.600.000
Tổng cộng: 7 mặt hàng										Tổng Tiền:	9591529250 đồng

Phụ lục V

Gói thầu số 05: Gói kim luôn-kim bướm năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 2514 /QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	8289	1382	Kim cánh bướm các số	Mũi kim vát 3 mặt. Có khóa Luer điều chỉnh. Dây nối , không có chất phụ gia DEHP.	CE, ISO	cái/gói	Cái	N2	279.300	4.620	1.290.366.000
2	8553	1426	Kim luôn Tĩnh mạch các số	Kim luôn tĩnh mạch ngoại biên các số từ 14G đến 24G, có cánh, có cửa. Kim làm bằng thép không gỉ, góc vát. Ống thông: có ≥ 4 vạch cân quang, lưu được trong mạch máu đến 72 h.	CE, ISO	cái/gói	Cái	N3	386.350	6.200	2.395.370.000
Tổng số mặt hàng:			02 mặt hàng								3685736000 đồng

Phụ lục VI

Gói số 06: Gói găng tay năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn Chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Tổng số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	7043	1174	Găng tay dài sản khoa vô trùng	Găng sản khoa đã tiệt trùng, các cỡ, dài \geq 400 mm, sản xuất từ cao su thiên nhiên	ISO		Đôi	N5	8.910	14.500	129.195.000
2	7055	1176	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng các số	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng, các cỡ, sản xuất từ cao su thiên nhiên	ISO		Đôi	N5	186.300	3.900	726.570.000
3	7061	1177	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng không bột, các cỡ, sản xuất từ cao su thiên nhiên. Đóng gói 1 đôi/túi	ISO		Đôi	N5	479.800	4.500	2.159.100.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn Chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Tổng số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
4	7068	1178	Găng tay thường các cỡ	Găng tay y tế có bột, các cỡ, được sản xuất bằng cao su tự nhiên	ISO		Đôi	N5	1.544.500	1.680	2.594.760.000
Tổng cộng: 04 khoản										Tổng tiền	5609625000 đồng

Phụ lục VII

Gói số 07: Gói Stent mạch vành nhóm 01 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 2514 /QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	7165	1195	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Giá đỡ động mạch vành (Stent) sinh học phủ thuốc điều trị kép, có phủ thuốc chống tái ghép. Hàm lượng thuốc: ≥ 5.0 microgram/mm Đường kính stent: ≥ 2.5 mm Chiều dài stent: ≥ 8 mm	ISO, CE	Cái/Hộp	Cái	N1	90	39.500.000	3.555.000.000
2	7173	1196	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Giá đỡ động mạch vành (Stent): chất liệu Platinum Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép và phủ Polymer. Đường kính stent: ≥ 2.25 mm Chiều dài stent: ≥ 8 mm	ISO	Cái/ Gói	Cái	N1	50	40.050.000	2.002.500.000
3	8215	1370	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Giá đỡ động mạch vành (Stent): Chất liệu Cobalt Chromium, được bọc bởi polymer và có phủ thuốc chống tái ghép. Đường kính stent: ≥ 2.25 mm Chiều dài stent: ≥ 8 mm	CE, ISO, FDA	Cái/Hộp	Cái	N1	90	43.500.000	3.915.000.000
Tổng số mặt hàng:			03 mặt hàng							Tổng tiền:	9472500000 đồng

Phụ lục VIII

Gói thầu số 08: Gói Stent mạch vành nhóm 02 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số: 2514/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	8197	1367	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Khung giá đỡ động mạch vành chất liệu Cobalt. Có phủ thuốc chống tái ghép. - Thiết kế stent theo kỹ thuật sóng liên tục hình sin. - Đường kính: $\geq 2.25\text{mm}$. - Chiều dài $\geq 8\text{mm}$.	ISO, CE	1 cái/hộp	Cái	N2	70	40.300.000	2.821.000.000
2	8247	1375	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Stent làm từ hợp kim Cobalt Chromium, không phủ polymer; Bề mặt bọc màng sinh học vĩnh viễn; Phủ thuốc chống tái ghép. - Chiều dài: $\geq 9\text{mm}$; - Đường kính: $\geq 2.25\text{mm}$.	CE, ISO	1 cái/Hộp	Cái	N2	75	38.300.000	2.872.500.000
3	8263	1378	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ, dùng được cho các tổn thương phức tạp	* Vật liệu : Cobalt-Chromium. Độ dày 80 μm . * Phủ thuốc chống tái ghép, liều lượng: $\geq 3.9 \mu\text{g/mm}$ * Kính thước của khung giá đỡ động mạch: - Đường kính: $\geq 2.25\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 9\text{mm}$	ISO , CE	1 cái/Hộp	Cái	N2	35	36.900.000	1.291.500.000
Tổng số mặt hàng:				03 mặt hàng							6985000000 đồng

Phụ lục IX

Gói số 09: Gói Stent mạch vành số 03 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 2514 /QĐ-UBND ngày 21 /9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	7203	1201	Giá đỡ mạch vành các cỡ	Chất liệu Cobalt Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép. Nồng độ thuốc $\geq 1.38\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Đường kính $\geq 2.25\text{mm}$ Chiều dài $\geq 8\text{mm}$	ISO, CE	Hộp 01 cái	Cái	N3	50	33.550.000	1.677.500.000
2	12171	2029	Stent mạch vành phủ thuốc các cỡ	Chất liệu Cobalt Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép và Polymer phân hủy sinh học Polyactide. - Đường kính Stent $\geq 2.00\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 8\text{mm}$	ISO, CE	Hộp 01 cái	Cái	N3	70	32.750.000	2.292.500.000
3	12198	2033	Stent mạch vành phủ thuốc các cỡ	Stent chất liệu Cobalt Chromium, có phủ thuốc chống tái ghép và Polymer sinh học tự phân hủy. Đường kính: $\geq 2.0\text{mm}$. Chiều dài: $\geq 8\text{mm}$	ISO, CE	Hộp 01 cái	Cái	N3	100	37.900.000	3.790.000.000

Tổng số mặt hàng:

03 mặt hàng

7.760.000.000

Phụ lục X

Gói số 10: Gói Stent mạch vành nhóm 4 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh*(Kèm theo Quyết định số: 2514/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	2349	392	Bộ stent graft cho động mạch chủ ngực	Chất liệu khung nitinol tạo hình chóp nón hoặc hình trụ. Có 2 loại đầu gần phủ hoặc không phủ graft. Trên lưng stent có thanh S-bar giúp stent không bị gập theo thời gian. Có chiều dài $\geq 100\text{mm}$	CE, ISO	1BỘ/Hộp	BỘ	N4	1	259.500.000	259.500.000
2	7131	1189	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc các cỡ	Stent phủ thuốc chống tái ghép, chất liệu Cobalt Chromium * Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$. * Chiều dài $\geq 9\text{mm}$ * Polymer tự tiêu dạng 3 lớp.	ISO, CE	1 cái/ hộp	Cái	N4	80	36.800.000	2.944.000.000
3	8241	1374	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Stent phủ thuốc chống tái ghép, Chất liệu khung Cobalt Chromium. - Nồng độ thuốc phủ: $\geq 1.25 \mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Đường kính stent: $\geq 2.25\text{mm}$. - Độ dài stent: $\geq 8\text{mm}$.	CE, ISO	1 cái/Hộp	Cái	N4	55	37.500.000	2.062.500.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
4	12100	2017	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc chống tái ghép, Nồng độ thuốc $\geq 2.0\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Phủ lớp Polymer $\geq 5\mu\text{m}$ với thành phần tự phân hủy sinh học. Đường kính $\geq 2\text{mm}$. Chiều dài $\geq 10\text{mm}$.	ISO; CE	1 cái/hộp	Cái	N4	38	37.000.000	1.406.000.000
5	12117	2020	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ	Gọng làm bằng hợp kim Nitinol và phần màng bằng lớp polyester đặc biệt có độ bền cao. Bộ stent bao gồm 3 miếng - Đường kính ống đỡ: từ 20-36 mm - Đường kính xa của chân ống từ 8-24mm - Đường kính gần 2 chân ống là 15mm.	ISO, CE	01 Bộ/hộp	Bộ	N4	1	280.000.000	280.000.000
6	12243	2041	Stent nong mạch vành phủ thuốc các cỡ	Nguyên liệu làm giá đỡ: Cobalt Chromium. Loại durable polymer, có phủ thuốc chống tái ghép. Đường kính: $\geq 2,5\text{ mm}$ Độ dài: $\geq 14\text{ mm}$	CE, ISO	1 cái / hộp	Cái	N4	70	43.000.000	3.010.000.000
Tổng số mặt hàng:			06 mặt hàng								9962000000 đồng